TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PHAN THIẾT** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2023/DS-ST
Ngày: 25-9-2023
V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT, TỈNH BÌNH THUẬN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Thảo Nguyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thị Phương Anh

2. Ông Lê Văn Toàn

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Châu - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết tham gia phiên tòa:* Bà Cao Thị Hường - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 363/2022/TLST-DS ngày 15 tháng 12 năm 2022 về việc: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 447/2023/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 509/2023/QĐST-DS ngày 05 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP S

Địa chỉ trụ sở: 266-268 Nam Kỳ Khởi N, phường 8, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đắc H – Giám đốc Ngân hàng TMCP S chi nhánh Bình Thuận.

Địa chỉ: 364 Trần Hưng Đ, phường Đ, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

Ông Nguyễn Đắc H ủy quyền lại để tham gia tố tụng:

1. Ông Hồ Duy H1 – Phó Giám đốc phụ trách kinh doanh (Giấy ủy quyền số 118/2023/GUQ-CNBT ngày 01/3/2023)

2. Bà Nguyễn Mai A – Trưởng phòng kiểm soát rủi ro (Giấy ủy quyền số 1237/2022/GUQ-CNBT ngày 30/12/2022)

- *Bị đơn:* Bà Trần Thu H2, sinh năm 1983

Nơi cư trú: Khu phố 7, phường Đ, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận; thôn T, xã L, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa, có mặt người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/4/2022, và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Mai A trình bày:

Ngày 25/5/2019, bà Trần Thu H2 đã ký với Ngân hàng TMCP S Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, Bản điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng) đối với số thẻ 356480-4504 với nội dung sau:

- Hạn mức sử dụng thẻ: 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng);

- Mục đích: tiêu dùng;

- Lãi suất: 2,6%/tháng.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà H2 đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 24.529.528 đồng (hai mươi bốn triệu năm trăm hai mươi chín ngàn năm trăm hai mươi tám ngàn đồng). Trong quá trình sử dụng thẻ, bà H2 đã thanh toán cho Ngân hàng 18.057.300 đồng (mười tám triệu không trăm năm mươi bảy ngàn ba trăm đồng) gồm: phí thường niên 897.000 đồng (tám trăm chín mươi bảy ngàn đồng), phí vượt hạn mức 400.000 đồng (bốn trăm ngàn đồng), phí trễ hạn 1.382.318 đồng (một triệu ba trăm tám mươi hai ngàn ba trăm mười tám đồng), lãi trong hạn 13.392.651 đồng (mười ba triệu ba trăm chín mươi hai ngàn sáu trăm năm mươi mốt đồng), số còn lại 1.985.331 đồng (một triệu chín trăm tám mươi lăm ngàn ba trăm ba mươi mốt đồng) trừ vào số tiền khách hàng giao dịch (nợ gốc). Dư nợ gốc còn lại là 22.544.197 đồng (hai mươi hai triệu năm trăm bốn mươi bốn ngàn một trăm chín mươi bảy đồng). Bà H2 sau đó không thanh toán thêm bất kỳ khoản nợ nào, đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngày 23/8/2021 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bà H2 và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn, lãi suất quá hạn là 3,9%/tháng (2,6%/tháng x 150% = 3,9%/tháng).

Ngân hàng TMCP S yêu cầu bà Trần Thu H2 trả số tiền nợ gốc 22.544.197 đồng (hai mươi hai triệu năm trăm bốn mươi bốn ngàn một trăm chín mươi bảy đồng), tiền lãi quá hạn tính đến ngày 25/9/2023 là 22.390.548 (hai mươi hai triệu ba trăm chín mươi ngàn năm trăm bốn mươi tám đồng), tổng cộng 44.934.745 đồng (bốn mươi bốn triệu chín trăm ba mươi bốn ngàn bảy trăm bốn mươi lăm ngàn đồng) và tiếp tục thanh toán lái phát sinh từ ngày 26/9/2023 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành niêm yết hợp lệ, đầy đủ các văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng bị đơn không có văn bản trình bày ý kiến, không

đến Tòa án tham gia phiên hòa giải, nên không thể tiến hành hòa giải vụ án. Do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết có quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ, bị đơn không chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình được Bộ luật Tố tụng dân sự quy định;

- Về nội dung vụ án: Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán toàn bộ số tiền gốc và lãi cho bị đơn theo các văn bản đã ký kết. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Xét thấy nguyên đơn Ngân hàng TMCP S yêu cầu Tòa án buộc bị đơn bà Trần Thu H2 phải trả số tiền vay theo hợp đồng tín dụng đã ký kết, nên xác định đây là vụ án *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*. Bị đơn Trần Thu H2 có địa chỉ tại khu phố 7, phường Đ, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận; thôn T, xã L thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về sự vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa: Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo đúng quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét thấy Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 25/5/2019 thể hiện thỏa thuận của các bên là hoàn toàn tự nguyện, hình thức và nội dung không trái với quy định của pháp luật nên có hiệu lực kể từ thời điểm các bên giao kết hợp đồng theo quy định tại Điều 385, Điều 401 Bộ luật Dân sự năm 2015. Nội dung Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 25/5/2019 thể hiện chủ thẻ đồng ý bị ràng buộc bởi Điều khoản và Điều kiện của thẻ tín dụng. Theo nội dung Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng

thương mại cổ phần S (đơn vị phát hành thẻ), áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 150% của lãi suất được công bố áp dụng tại thời điểm hiện tại, do đó Ngân hàng áp dụng mức lãi suất quá hạn 3,9%/tháng (2,6%/tháng x 150% = 3,9%/tháng) từ ngày 23/8/2022 là phù hợp.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, bà Trần Thu H vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng TMCP S yêu cầu bà Trần Thu H trả số tiền nợ gốc 22.544.197 đồng (hai mươi hai triệu năm trăm bốn mươi bốn ngàn một trăm chín mươi bảy đồng), tiền lãi quá hạn tính đến ngày 25/9/2023 là 22.390.548 (hai mươi hai triệu ba trăm chín mươi ngàn năm trăm bốn mươi tám đồng), tổng cộng 44.934.745 đồng (bốn mươi bốn triệu chín trăm ba mươi bốn ngàn bảy trăm bốn mươi lăm ngàn đồng) và tiếp tục thanh toán lãi phát sinh từ ngày 26/9/2023 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng là có cơ sở và phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, nên có căn cứ chấp nhận.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 262, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 385, Điều 401, Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S

Buộc bà Trần Thu H2 trả số tiền nợ gốc 22.544.197 đồng (hai mươi hai triệu năm trăm bố mươi bốn ngàn một trăm chín mươi bảy đồng), tiền lãi quá hạn tính đến ngày 25/9/2023 là 22.390.548 (hai mươi hai triệu ba trăm chín mươi ngàn năm trăm bốn mươi tám đồng), tổng cộng 44.934.745 đồng (bốn mươi bốn triệu chín trăm ba mươi bốn ngàn bảy trăm bốn mươi lăm ngàn đồng) và tiếp tục thanh toán lãi phát sinh từ ngày 26/9/2023 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 25/5/2019 kèm theo Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thương mại cổ phần S (đơn vị phát hành thẻ).

2. Về án phí: Bà Trần Thu H2 phải chịu 2.246.737 đồng (hai triệu hai trăm bốn mươi sáu ngàn bảy trăm ba mươi bảy đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng TMCP S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí 724.000 đồng (bảy trăm hai mươi bốn ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014045 ngày 15/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết.

3. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (25/9/2023). Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Các đương sự*;
- *VKSND TP. Phan Thiết;*
- *Chi cục THADS TP. Phan Thiết;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Lê Thảo Nguyên